

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt hoặc phương pháp chấm điểm để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

Việc xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật dựa trên các nội dung quy định tại Chương V, thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP và các yêu cầu khác nêu trong E-HSMT. Căn cứ vào từng gói thầu cụ thể, khi lập E-HSMT phải cụ thể hóa các tiêu chí làm cơ sở để đánh giá về kỹ thuật bao gồm:

- Tính hợp lý và khả thi của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công;

- Tiến độ thi công;

- Cách thức quản lý dự án bao gồm: tổ chức quản lý dự án, tổ chức quản lý hiện trường; các biện pháp bảo đảm chất lượng; bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường và các điều kiện khác như phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động;

- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì;

- Các yếu tố thân thiện môi trường (nếu có) gồm việc sử dụng các vật tư, vật liệu, biện pháp tổ chức thi công, dây chuyền, công nghệ thi công và các yếu tố khác (nếu có);

- Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP;

Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt:

Trường hợp sử dụng phương pháp đạt, không đạt, đối với các tiêu chí đánh giá tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt. Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà xác định mức độ yêu cầu đối với từng nội dung. Đối với các tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt; đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản trong tiêu chí tổng quát, ngoài tiêu chí đạt, không đạt, được áp dụng thêm tiêu chí chấp nhận được nhưng không được vượt quá 30% tổng số các tiêu chí chi tiết trong tiêu chí tổng quát đó. Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

E-HSMT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng
I. Tính hợp lý và khả thi của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công:	
1. Tính hợp lý và khả thi của các giải pháp kỹ thuật	

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
1.1. Đối với các vật tư, vật liệu chính: xi măng, cốt thép, rọ đá, cây xanh, gạch bê tông, thiết bị điện chiếu sáng.	Có hợp đồng nguyên tắc của bên cung cấp ghi rõ tên gói thầu và tên công trình; có bảng kê, thuyết minh về nguồn gốc, đặc tính kỹ thuật.	Đạt
	Không hợp đồng nguyên tắc của bên cung cấp.	Không đạt
1.2. Các loại vật liệu: đất đắp, cát, đá các loại.	- Có hợp đồng nguyên tắc với nhà cung cấp ghi rõ tên gói thầu và tên công trình. - Có giấy tờ pháp lý chứng minh kèm theo (Giấy phép khai thác còn hiệu lực) đối với mỏ cát, đất đắp, đá các loại có trữ lượng đáp ứng yêu cầu.	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu nói trên	Không đạt
1.3. Thiết bị thí nghiệm	Có phòng thí nghiệm chuyên ngành đủ năng lực thuộc sở hữu nhà thầu và các thiết bị thí nghiệm đạt tiêu chuẩn quy định hoặc có hợp đồng nguyên tắc (ghi rõ tên gói thầu và tên công trình) với đơn vị có chức năng thí nghiệm đủ năng lực.	Đạt
	Không có phòng thí nghiệm, không có hợp đồng nguyên tắc với các phòng thí nghiệm theo yêu cầu	Không đạt
1.4. Tổ chức mặt bằng công trường: - Thiết bị thi công, lán trại, phòng thí nghiệm, kho bãi tập kết vật liệu, chất thải, bố trí cổng ra vào, rào chắn, biển báo, cấp nước, thoát nước, cấp điện, giao thông, liên lạc trong quá trình thi công. - Đề xuất bãi đổ thải theo phương án thi công.	- Có giải pháp kỹ thuật và bản vẽ mặt bằng tổ chức thi công đầy đủ, hợp lý; phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng. - Có đề xuất bãi đổ thải hoặc cam kết đổ thải tại bãi đổ được cấp phép.	Đạt
	Giải pháp kỹ thuật không hợp lý, không phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng hoặc không có bản vẽ mặt bằng tổ chức thi công hoặc có nhưng không đầy đủ, không hợp lý,	Không đạt

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
	không phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng. Hoặc không có đề xuất bãi bỏ thải hoặc không có cam kết đổ thải tại bãi đổ được cấp phép.	
1.5. Giải pháp kỹ thuật cho các công tác: - Giải pháp trắc địa để định vị các hạng mục công trình trong quá trình thi công. - Giải pháp thi công chủ yếu cho các công tác chính: + Công tác đào phá dỡ kết cấu cũ; + Công tác thi công đất; + Công tác thi công đá; + Móng, mặt đường bê tông; + Công tác thi công bê tông; + Công tác lắp dựng cốt thép, ván khuôn; + Công tác thi công tường chắn bằng rọ đá; + Công tác thi công hạng mục cây xanh; + Công tác thi công hạng mục vỉa hè; + Công tác thi công hạng mục hệ thống điện chiếu sáng.	Có giải pháp kỹ thuật hợp lý, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng.	Đạt
	Giải pháp kỹ thuật không hợp lý, không phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng.	Không đạt
2. Biện pháp tổ chức thi công phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công:		
2.1. Mô tả biện pháp, công nghệ thi công đầy đủ các hạng mục theo đúng trình tự và yêu cầu kỹ thuật.	Có đề xuất về biện pháp, công nghệ thi công.	Đạt
	Đề xuất không đầy đủ về biện pháp, công nghệ thi công.	Không đạt
Kết luận	Tiêu chuẩn chi tiết được xác định là đạt.	Đạt
	Không thuộc trường hợp nêu trên.	Không đạt
II. Tiến độ thi công:		

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
2.1. Thời gian thi công: đảm bảo thời gian thi công hoàn thành công trình tối đa 03 tháng (kể cả ngày lễ, chủ nhật, ...) kể từ ngày khởi công.	Đề xuất thời gian thi công hoàn thành công trình tối đa 03 tháng (kể cả ngày lễ, chủ nhật, ...) kể từ ngày khởi công.	Đạt
	Đề xuất về thời gian thi công hoàn thành công trình vượt quá 03 tháng kể từ ngày khởi công.	Không đạt
2.2. Tính phù hợp: a) Giữa huy động thiết bị và tiến độ thi công b) Giữa bố trí nhân lực và tiến độ thi công c) Giữa bố trí vật tư, vật liệu và tiến độ thi công	Đề xuất đầy đủ, hợp lý, khả thi cho cả 3 nội dung a), b) và c); Có đầy đủ và hợp lý 3 biểu đồ thiết bị, nhân lực và bố trí vật tư, vật liệu.	Đạt
	Đề xuất không đủ 03 nội dung a), b) và c) hoặc đề xuất nhưng không phù hợp hoặc thiếu 01 trong 03 biểu đồ thiết bị, nhân lực, bố trí vật tư, vật liệu.	Không đạt
2.3. Biểu tiến độ thi công chi tiết phải hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu hoàn thành các hạng mục chi tiết theo E-HSMT (tại Mẫu số 02)	Biểu tiến độ thi công chi tiết hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu hoàn thành các hạng mục chi tiết theo E-HSMT (tại Mẫu số 02).	Đạt
	Không có Biểu tiến độ thi công chi tiết hoặc có nhưng: Không hợp lý; hoặc không khả thi; hoặc không phù hợp với đề xuất kỹ thuật; hoặc không đáp ứng yêu cầu hoàn thành các hạng mục chi tiết theo E-HSMT (tại Mẫu số 02)	Không đạt
Kết luận	Cả 3 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là đạt.	Đạt
	Không thuộc trường hợp nêu trên.	Không đạt
III. Cách thức quản lý thi công bao gồm: tổ chức quản lý bộ máy, tổ chức quản lý hiện trường		
3.1. Tổ chức, quản lý thi công xây dựng công trình.	Có thuyết minh, sơ đồ tổ chức quản lý thi công xây dựng công trình đầy đủ, hợp lý theo quy định pháp luật về quản lý thi công xây dựng công trình.	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu	Không đạt
3.2. Trình tự quản lý thi công xây dựng công trình	Có thuyết minh trình tự quản lý thi công xây dựng công trình đầy đủ, hợp lý theo quy định pháp	Đạt

Nội dung yêu cầu		Mức độ đáp ứng
	luật về quản lý thi công xây dựng công trình.	
	Không đáp ứng yêu cầu	Không đạt
Kết luận	Cả 2 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.	Đạt
	Không thuộc trường hợp nêu trên.	Không đạt
IV. Các biện pháp bảo đảm chất lượng; bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường và phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động:		
1. Các biện pháp bảo đảm chất lượng		
1.1. Biện pháp bảo đảm chất lượng cho từng hạng mục thi công	Có biện pháp bảo đảm chất lượng, vận hành chạy thử hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.	Đạt
	Không có biện pháp bảo đảm chất lượng, vận hành chạy thử hoặc có biện pháp bảo đảm chất lượng, vận hành chạy thử nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.	Không đạt
1.2. Biện pháp bảo đảm chất lượng nguyên liệu đầu vào để phục vụ công tác thi công.	Có biện pháp bảo đảm chất lượng hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.	Đạt
	Không có biện pháp bảo đảm chất lượng hoặc có biện pháp bảo đảm chất lượng nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công.	Không đạt
2. Bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường và phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động:		
2.1. An toàn lao động		
Biện pháp an toàn lao động hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.	Có biện an toàn lao động hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.	Đạt
	Không có biện pháp an toàn lao động hoặc có biện pháp an toàn lao động nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với	Không đạt

Nội dung yêu cầu		Mức độ đáp ứng
	đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.	
2.2. Phòng cháy, chữa cháy		
Biện pháp phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.	Có biện pháp phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.	Đạt
	Không có biện pháp phòng cháy, chữa cháy hoặc có biện pháp phòng cháy, chữa cháy nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.	Không đạt
2.3. Vệ sinh môi trường		
Biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.	Có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.	Đạt
	Không có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hoặc có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.	Không đạt
Kết luận	Tất cả các tiêu chuẩn chi tiết mục 1, mục 2 được xác định là đạt.	Đạt
	Không thuộc trường hợp nêu trên.	Không đạt
V. Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng gói thầu xây lắp:		
1. Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng gói thầu xây lắp.		
Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng gói thầu xây lắp, EPC, EC, PC của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP	Nhà thầu có cam kết không vi phạm hành vi quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP	Đạt
	Nhà thầu vi phạm hành vi quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP	Không đạt
2. Uy tín của nhà thầu:		
Uy tín của nhà thầu thông qua việc thực hiện các hợp đồng	Không có hợp đồng tương tự chậm tiến độ hoặc bỏ dở do lỗi của nhà thầu.	Đạt

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
tương tự trước đó trong vòng 03 năm trở lại đây.		
	Có hợp đồng tương tự chậm tiến độ hoặc bỏ dở do lỗi của nhà thầu.	Không đạt
Kết luận	Cả 2 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.	Đạt
	Không thuộc trường hợp nêu trên.	Không đạt
VI. Bảo hành công trình:		
Thuyết minh nội dung công việc bảo hành, thời hạn bảo hành, chi phí liên quan và trách nhiệm của các bên, nhiệm vụ nhà thầu trong quá trình bảo hành.	Có đề xuất thời gian bảo hành lớn hơn hoặc bằng 12 tháng.	Đạt
	Có đề xuất thời gian bảo hành nhỏ hơn 12 tháng.	Không đạt
Kết luận	Tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.	Đạt
	Không thuộc trường hợp nêu trên.	Không đạt
Kết luận	06 Tiêu chuẩn tổng quát được xác định là đạt.	Đạt
	Không thuộc trường hợp nêu trên.	Không đạt